

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/DS-PT  
Ngày 02-6-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Đặng Minh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Việt K1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 04, ấp Rạch Mũi, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Bà Tạ Kim C, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C.

2. Ông Lê Minh D, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 356, Nguyễn Trãi, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Hoàng K2, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt K1.

**- Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, ông Nguyễn Việt K1 trình bày:* Vào ngày 01/11/2019 ông có cho vợ chồng ông D, bà C vay số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng. Khi vay có làm biên nhận nợ do bà C ký tên và bà C nhận tiền. Đến ngày 25/11/2019 ông tiếp tục cho vợ chồng bà C, ông D vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất Ngân hàng, biên nhận nợ do ông D, bà C cùng ký tên nhưng ông D trực tiếp nhận tiền. Tổng số tiền ông D và bà C đã vay là 330.000.000 đồng. Đã qua, ông D, bà C có trả được 2.000.000 đồng tiền vốn và 18.142.500 đồng tiền lãi (tiền lãi đã trả được tính đến tháng 7/2020). Hiện nay, ông K1 yêu cầu ông D, bà C trả 328.000.000 đồng tiền vốn và 33.895.000 đồng tiền lãi (lãi tính từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2022).

*Bị đơn, bà Tạ Kim C trình bày:* Bà thừa nhận có vay của ông K1 tổng số tiền 330.000.000 đồng, cả 02 lần vay bà đều có ký biên nhận đúng theo biên nhận do ông K1 cung cấp cho Tòa án. Lãi suất vay tính theo lãi suất Ngân hàng. Đã qua, bà có trả cho ông K1 2.000.000 đồng tiền vốn và 18.142.500 đồng tiền lãi như ông K1 trình bày. Bà xác định số tiền vay của ông K1 là nợ riêng của bà, không có liên quan đến ông D (chồng bà). Biên nhận nợ ngày 25/11/2019 vay số tiền 120.000.000 đồng có chữ ký của ông D là do bà nhờ ông D nhận tiền dùm bà nên ông D ký tên trong biên nhận. Tại thời điểm bà vay tiền, bà và ông D còn là vợ chồng nhưng đến ngày 01/6/2020 thì bà và ông D đã ly hôn với nhau. Nay bà đồng ý trả tiền vốn còn lại là 328.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng quy định từ tháng 07/2020 đến ngày xét xử. Không yêu cầu ông D cùng có trách nhiệm trả nợ với bà.

*Bị đơn, ông Lê Minh D trình bày:* Ông D thừa nhận khi bà C vay tiền của ông K1 thì ông và bà C là vợ chồng nhưng đến ngày 01/6/2020 vợ chồng ông bà đã thuận tình ly hôn được Tòa án công nhận. Việc bà C vay tiền của ông K1 210.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 là bà C vay để làm ăn kinh doanh, ông không biết. Biên nhận nhận tiền ngày 25/11/2019 ông và bà C có ký tên vay tiền của ông K1 120.000.000 đồng là do ông nhận tiền của ông K1 dùm bà C do bà C đã vay. Ông chỉ ký để nhận tiền dùm bà C chứ không vay tiền để cùng bà C kinh doanh nên ông không có liên quan và không đồng ý cùng bà C trả nợ cho ông K1. Ngoài ra ông D có đơn yêu cầu phản tố cho rằng vào khoảng tháng 10/2019 ông K1 có vay của ông 40.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng MB chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng TMCP Quân đội) để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1 ra thế chấp vay tiền ở Ngân hàng khác. Số tiền ông cho ông K1 vay là tiền ông mượn của ông K2 và nhờ ông K2 đưa cho ông K1, hiện nay ông đã trả tiền cho ông K2 xong, nay ông yêu cầu ông K1 phải trả cho ông 40.000.000 đồng.

Ông K1 trình bày, vào tháng 10/2019, ông D hỏi ông mượn số tiền 250.000.000 đồng. Lúc đó, ông có nói với ông D là ông có một cuốn sổ đỏ đang thế chấp tại Ngân hàng MB chi nhánh Cà Mau, số tiền còn nợ Ngân hàng MB là 40.000.000 đồng chưa trả hết nên không vay tiền để ông D mượn tiền được. Do đó ông D kêu ông K2 là em rể của bà C đem 40.000.000 đồng đi cùng ông đến Ngân hàng MB chi nhánh Cà Mau để trả nợ Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, sau đó ông đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân

hàng Vietcombank chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng TMCP Ngoại thương) để vay số tiền 370.000.000 đồng để đưa cho bà C mượn 250.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 nhưng không làm biên nhận. Sau khi đối trừ 40.000.000 đồng tiền ông mượn của ông D nên bà C làm biên nhận nợ ông số tiền là 210.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện của ông. Do đó ông K1 không đồng ý trả cho ông D 40.000.000 đồng theo yêu cầu phản tố của ông D.

Bà C trình bày, bà không biết việc ông D nhờ ông K2 đem tiền trả nợ cho ông K1 tại Ngân hàng MB chi nhánh Cà Mau số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền bà nhận của ông K1 ngày 01/11/2019 là 210.000.000 đồng và bà đã làm biên nhận, bà không có nhận 250.000.000 và đối trừ nợ 40.000.000 đồng như ông K1 trình bày. Việc ông K1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1 cho Ngân hàng để vay tiền cho bà mượn là đúng nên bà đồng ý trả số tiền vốn cho ông K1 tổng cộng 2 lần vay là 330.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất Ngân hàng.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt K1.

- Buộc bà Tạ Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt K1 tổng số tiền 308.200.000 đồng.

- Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt K1 tổng số tiền 69.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt K1 về việc buộc ông Lê Minh D cùng có trách nhiệm với bà Tạ Kim C trả nợ theo biên nhận ngày 01/11/2019.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Minh D. Buộc ông Nguyễn Việt K1 trả cho ông Lê Minh D số tiền 40.000.000 đồng.

Đối trừ nghĩa vụ giữa ông Nguyễn Việt K1 với ông Lê Minh D về số tiền buộc trả thì ông D phải có trách nhiệm trả cho ông K1 số tiền còn lại là 29.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/3/2022 ông Nguyễn Việt K1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Lê Minh D cùng có trách nhiệm với bà Tạ Kim C trả cho ông số nợ 210.000.000 đồng và không chấp nhận đơn phản tố của ông Lê Minh D.

Ngày 15/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau kháng nghị bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng buộc ông D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 3.450.000 đồng, ông K1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông K1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Việt K1 yêu cầu ông Lê Minh D và bà Tạ Kim C có trách nhiệm cùng thanh toán nợ cho ông K1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản nợ vay đôi bên thống nhất tổng số tiền vốn và lãi mà cấp sơ thẩm buộc bà C và ông D trả cho ông K1 là 377.200.000 đồng, trong đó ông D trả 69.200.000 đồng và bà C trả 308.000.000 đồng. Số tiền vốn và lãi phải trả theo bản án sơ thẩm, các bên không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập xem xét.

Về trách nhiệm thanh toán, ông K1 và bà C, ông D thống nhất khi bà C vay tiền ông K1 lần thứ nhất ngày 01/11/2019 số tiền 210.000.000 đồng do bà C ký tên và nhận tiền, lần thứ 2 vay ngày 25/11/2019 số tiền 120.000.000 đồng do bà C và ông D ký tên, ông D nhận tiền. Bà C thừa nhận việc bà vay tiền của ông K1 để làm vốn kinh doanh do bà C là Giám đốc công ty TNHH MTV Ngọc Chúc PRO được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 26/7/2019, Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ nhà của ông D và bà C đang sinh sống trong thời kỳ ông D và bà C đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Mục đích bà C vay tiền của ông K1 là để kinh doanh, thu lợi nhuận phục vụ chung cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông D cho rằng khoản nợ bà C vay của ông K1 210.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 là để sử dụng riêng không phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nhưng ông D không có chứng cứ chứng minh việc bà C sử dụng khoản tiền vay để làm việc gì, trong khi đó tại hồ sơ ông K1 có cung cấp đoạn băng ghi âm thể hiện ông D thừa nhận nợ của ông K1 và hứa trả nợ cho ông K1. Đoạn băng ghi âm do ông K1 cung cấp, ông D không yêu cầu giám định nên xem như ông D thừa nhận. Trong quá trình bà C vay tiền của ông K1 để kinh doanh thì ông D cũng đã cùng bà C ký nhận tiền để vay của ông K1 120.000.000 đồng cho bà C kinh doanh. Việc bà C và ông D vay tiền của ông K1 trong thời kỳ ông D và bà C chưa ly hôn, đến ngày 01/6/2020 ông D và bà C mới thuận tình ly hôn. Vì vậy, hiện nay ông D cho rằng ông không biết việc bà C kinh doanh và ông D khước từ nghĩa vụ trả nợ cho ông K1 đối với khoản tiền bà C vay của ông K1 210.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 là không có cơ sở. Do đó buộc ông D phải có nghĩa vụ cùng với bà C trả tiền cho ông K1 toàn bộ số tiền vốn và lãi là 377.200.000 đồng.

Từ nhận định trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông K1 về việc buộc bà C cùng ông D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn và lãi là 377.200.000 đồng cũng như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông K1 đối với số tiền 40.000.000 đồng theo

yêu cầu phản tố của ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà C thừa nhận khi ông K1 đưa cho bà C mượn 210.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019 là tiền ông K1 vay tiền của Ngân hàng. Tại hồ sơ cũng đã thể hiện việc ông K1 có vay tiền tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 370.000.000 đồng vào ngày 29/10/2019 (BL 84) trong đó bà C thừa nhận số tiền 210.000.000 đồng bà C vay của ông K1 là do ông K1 vay tiền Ngân hàng đưa cho bà C vào ngày 01/11/2019. Trong thời gian bà C vay tiền của ông K1 thì bà C và ông D đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân và đang sinh sống làm ăn kinh doanh tại địa chỉ nhà ở của bà C và ông D. Vào ngày 25/11/2019 ông D cùng bà C ký biên nhận vay của ông K1 120.000.000 đồng, ông D là người nhận tiền của ông K1 nhưng ông D cũng không đặt ra số nợ ông K1 nợ của ông D 40.000.000 đồng chưa được đối trừ. Việc ông D cho ông K1 vay tiền cũng không có làm biên nhận, do đó khi ông K1 đối trừ khoản tiền nợ do ông K1 nợ ông D với bà C khi ông K1 đưa tiền cho bà C vay vào ngày 01/11/2019 cũng không làm biên nhận là phù hợp với lời trình bày của ông K1 tại thời điểm ông K1 vay tiền Ngân hàng và đưa cho bà C vay 250.000.000 đồng trong đó có 40.000.000 đồng ông K1 trả cho ông D, nên bà C làm biên nhận nợ vay của ông K1 210.000.000 đồng. Do đó hiện nay, ông D cho rằng ông D cho ông K1 vay 40.000.000 đồng để ông K1 trả nợ cho Ngân hàng MB để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1 ra thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Vietcombank để đưa cho bà C vay 210.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019, và sau đó ông D và bà C tiếp tục vay của ông K1 120.000.000 đồng vào ngày 25/11/2019 mà không trừ khoản tiền ông K1 nợ ông D 40.000.000 đồng vào tháng 10/2019 là không có cơ sở.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K1 về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D. Không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc buộc ông K1 trả cho ông D 40.000.000 đồng.

[3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy, do buộc ông D và bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông K1 tổng số tiền vốn và lãi là 377.200.000 đồng, nên ông D và bà C cùng chịu án phí có giá ngạch là 18.860.000 đồng. Do không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D đối với việc ông D yêu cầu ông K1 trả 40.000.000 đồng nên ông D phải chịu án phí có giá ngạch là 2.000.000 đồng. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C và ông D phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông K1. Ông D phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền ông D yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Việt K1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt K1.

Buộc bà Tạ Kim C và ông Lê Minh D cùng liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Việt K1 tổng số tiền là 377.200.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Minh D về việc buộc ông Nguyễn Việt K1 phải trả cho ông Lê Minh D số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Tạ Kim C và ông Lê Minh D cùng phải chịu số tiền 18.860.000 đồng.
- Ông Lê Minh D phải chịu số tiền là 2.000.000 đồng. Ngày 25/5/2021 ông D có dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0001106 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ. Ông D còn phải nộp tiếp 1.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Việt K1 không phải chịu án phí. Ngày 09/3/2021, ông K1 có dự nộp 9.047.000 đồng theo lai số 0000746 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Việt K1 không phải chịu, ngày 07/3/2022, ông K1 dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000980 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

